

11. PHÁ HOẠI THỰC VẬT⁶⁰**A. DUYÊN KHỞI**

Một thời, Đức Phật ở thành Khoáng dã. Thế Tôn vì nhân duyên trên tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, bảo:

- Có một Tỳ-kheo ở nơi Khoáng dã, khi sửa chữa phòng ốc, cố ý tự tay mình chặt cây phải không?

Thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, thật vậy, có chặt.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách:

- Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao sửa chữa phòng ốc lại tự tay chặt cây?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách rồi bảo các

Tỳ-

kheo:

- Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo nào, phá hoại mầm giống thực vật⁶¹, Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỞNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Thực vật (quỷ): Không phải loài người.

Mầm giống (thôn): Chỉ chung cho tất cả cỏ cây. Chặt đốn cho nó ngã xuống nên gọi là phá hoại.

Mầm giống (thôn) có năm loại: Củ, nhánh, lóng, phú la, hạt.⁶²

55. Bản Hán, hết quyển II.

56. Pali, Pác. II. bhūtagāma.

61. Nguyên Hán: Quỷ thần thôn 鬼神村; do dịch nghĩa đen. Pali, bhūtagāma, chủng loại (hạt giống) có mầm sống; Vin.A., (iv.761) giải thích: jāyanti vanmhanti jātā vanmhitā cāti attho, chúng sinh sản, tăng trưởng, và những cái đã sinh sản, đã tăng trưởng. Ngũ phần 6, sát sinh thảo mộc 殺生草木. Tăng kỳ 14: Hoại chủng tử phá quỷ thôn 壞種子破鬼神村. Thập tụng: Chước bạt quỷ thôn chủng tử 斫拔鬼神村種子. Căn bản 27: Hoại chủng tử hữu tình thôn 壞種子有情村. Pali: Bhūtagāmapātavyatāya.

62. Hán, năm loại giống: Căn chủng, chi chủng, tiết chủng, phú la chủng, chủng tử chủng. 根種枝種節種覆羅種子種. Ngũ phần nt, bốn loại: Từ rễ, từ cọng, lóng, quả 根種子莖種子節種子實種子. Tăng kỳ nt, năm loại: Từ rễ, từ cọng, ruột, lóng, quả 根種莖種心種節種子種. Thập tụng 12, năm loại: Từ rễ, từ cọng, lóng, tự rụng, từ quả 根種子莖種子節種子自落種子實種子.

- Củ: Như loại ha-lê-đà, củ gừng, ưu-thi-la, mậu-tha-trí-tra, lư-kiện-đà-lâu và các loại củ khác có thể sanh ra mầm cây.⁶²

- Nhánh: Như loại liễu, xá-ma-la, bà-hê-tha⁶⁴ và các loại nhánh khác có thể sanh ra cây con.

- Lóng: Như loại hoa tô-man-na, tô-la-bà, bồ-hê-na, la-lặc-liệu⁶⁵ và các loài từ lóng khác có khả năng sanh ra cây.

- Phú la⁶⁶: như loại cây mía, tre, lau, củ ngó⁶⁷ và các loại phú-la khác có thể sanh ra cây.

- Hạt: Như các loại hạt sinh ra cây.

Các loài đang có sự sống hay tưởng đang có sự sống, tự mình cắt đứt sự sống, hoặc sai người khác chặt đứt sự sống, hoặc tự tay sao, hoặc sai người sao, hoặc tự tay nấu, hoặc sai người nấu, Ba-dật-đề.

Nếu nghi đang có sự sống, tự tay chặt đứt, sai người chặt đứt sự sống; tự mình sao, sai người sao, tự tay nấu, sai người nấu, Đột-kiết-la.

Đang có sự sống tưởng là chẳng có sự sống, tự tay chặt đứt, sai người chặt đứt sự sống, cho đến nấu, Đột-kiết-la.

Chẳng có sự sống tưởng là có sự sống, tự tay chặt đứt, sai người chặt đứt sự sống, cho đến nấu, cũng phạm Đột-kiết-la.

Chẳng có sự sống mà nghi, tự tay chặt đứt, sai người chặt đứt sự sống, cho đến nấu, cũng phạm Đột-kiết-la.

Cỏ cây bảy thứ sắc: Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, xanh nhạt, tía. Cây cỏ đang tươi sống khởi ý nghĩ cây cỏ tươi sống, tự tay chặt đứt, sai người chặt đứt, cho đến nấu, Ba-dật-đề.

Nghi là cây cỏ đang tươi sống, tự tay chặt, sai người chặt, cho đến nấu, Ba-dật-đề.

Cây cỏ đang tươi sống tưởng chẳng phải cây cỏ tươi sống, tự tay chặt, sai người chặt, cho đến nấu, Đột-kiết-la.

Chẳng phải cây cỏ đang tươi sống tưởng là cây cỏ tươi sống, tự mình chặt, sai người chặt, cho đến nấu, Đột-kiết-la.

Nghi là chẳng phải cây cỏ đang tươi sống, tự tay chặt, sai người

người

62. Ha-lê-đà 呵梨陀 (Pali: Haliddi: Củ nghệ), ưu-thi-la 憂尸羅 (Pali: usīra: Hương căn), ha-tha-trí-tra 質(呵?)他致 (Skt. ativiā, Pali: ativisā, mạch đông?), lư-kiện-đà-lâu 盧捷陀樓 (?).

64. Liễu 柳, xá-ma-la 舍摩羅, bà-la-hê-tha 婆羅醯他(?). Thập tụng nt, giống từ cọng: Thạch lựu 石榴, bồ-đào 葡萄 (nhỏ), dương liễu 楊柳, sa-沙勒. Pali: assattho nīgrodho pilako udumbaro kacchako kapithano.

65. Tô-man-na 蘇蔓那 (Skt. sumanas; Pali: Sumanā, tố hương, nhục quan hoa, tương tự hoa mồng gà), tô-la-bà 蘇羅婆 (Phiên phạn ngữ, T54n21>0, tr.1049a16: Dịch là hảo đắc 好得, Skt. sulabha?), bồ-hê-na 醯那 (?), la-lặc-liệu 羅勒蓼 (?).

66. Phú la 覆羅. Pali: Phaubbija: ucchu, veu, nāno, mía, tre và lau.

67. Cam giá 甘蔗 (mía), trúc vĩ 竹葦 (tre và lau) ngấu căn 藕根 (ngó sen).

chặt, cho đến nấu, Đột-kiết-la.

Đóng nọc trên cây Ba-dật-đề. Dùng lửa đốt trên cây cỏ đang tươi sống, Ba-dật-đề. Chặt cây cỏ đa phần đang tươi sống, Ba-dật-đề. Chặt cây cỏ phân nửa khô, phân nửa đang tươi sống, Đột-kiết-la. Nếu không nói: “Xem cái này, biết cái này!” Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Có nói, “Xem đây, biết đây!” nếu chặt cây cỏ khô héo vì dọng rào dậu, dẹp đá gạch nên kéo cành tre, cày trên cỏ cây tươi sống; hoặc vì lấy phân, hoặc cỏ bò lấp đường dùng gậy vệt cho trống để đi; hoặc dùng gạch đá làm trụ mà thương tổn đến cây cỏ; hoặc dọn đất đi kinh hành; hoặc quét chỗ thường đi tới đi lui; hoặc nhâm cỏ cây sống mà chặt, hoặc dùng cây gậy chống xuống đất mà cây cỏ bị đứt tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.